

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA XÂY DỰNG

SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378
LỚP HỌC PHẦN: CIE 378A - HỌC KỲ I (2017 - 2018)
GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
1	2121617282	Trần Sơn	Anh	1/5/1997	CIE378A	7,0	10,5	17,0	CCT34	N42
2	2121616513	Ngô Văn	Bảo	19/10/1993	CIE378A	7,5	11,0	17,5	CCT34	N42
3	1921613327	Nguyễn Hữu	Cảnh	16/08/1995	CIE378A	8,0	11,5	18,0	CCT34	N42
4	1921613412	Nguyễn Thành	Đạt	13/10/1995	CIE378A	5,0	12,0	18,5	CCT34	N42
5	2121626411	Phạm Việt	Đạt	14/03/1997	CIE378A	5,5	12,5	19,0	CCT34	N42
6	2021626637	Nguyễn Văn	Đông	29/11/1996	CIE378A	6,0	13,0	19,5	CCT38	N42
7	1821414074	Hà Ngọc	Đức	34375	CIE378A	6,5	10,5	15,0	CCT38	N42
8	2021410900	Hoàng Minh	Đức	18/01/1995	CIE378A	7,0	11,0	15,5	CCT38	N42
9	1921613430	Văn Phú	Dũng	12/1/1995	CIE378A	7,5	11,5	16,0	CCT38	N42
10	2121629348	Phạm Tiến	Dũng	28/12/1997	CIE378A	8,0	12,0	16,5	CCT38	N42
11	2111615120	Đoàn Văn	Hải	35709	CIE378A	5,0	12,5	17,0	CCT42	N42
12	1920623480	Nguyễn Công	Hiếu	13/05/1995	CIE378A	5,5	13,0	17,5	CCT42	N42
13	2121617569	Nguyễn Vinh	Hòa	10/4/1997	CIE378A	6,0	10,0	18,0	CCT42	N42
14	1821415837	Lê Thái	Hoàng	17/01/1993	CIE378A	6,5	10,5	18,5	CCT42	N42
15	2021616151	Nguyễn	Hoàng	30/06/1996	CIE378A	7,0	11,0	19,0	CCT42	N42
16	1921623474	Nguyễn Thanh	Hùng	34977	CIE378A	7,5	11,5	19,5	CCT34	N46
17	2121618961	Trần	Hùng	16/03/1995	CIE378A	8,0	12,0	15,0	CCT34	N46
18	2121614346	Lê	Huy	35525	CIE378A	5,0	12,5	15,5	CCT34	N46
19	2121627170	Nguyễn Văn Quốc	Huy	22/05/1997	CIE378A	5,5	13,0	16,0	CCT34	N46
20	1821625191	Bùi Xuân Hoàng	Linh	1/2/1994	CIE378A	6,0	10,0	16,5	CCT34	N46
21	1911611318	Trần Đức	Linh	11/3/1995	CIE378A	6,5	10,5	17,0	CCT38	N46
22	1921628810	Nguyễn Hữu	Lộc	20/12/1995	CIE378A	7,0	11,0	17,5	CCT38	N46
23	1921613463	Lê Văn	Long	34981	CIE378A	7,5	13,0	18,0	CCT38	N46
24	2020614108	Phan Tuấn	Long	28/02/1996	CIE378A	5,0	10,0	18,5	CCT38	N46
25	1921623525	Lê Hùng	Mạnh	26/08/1993	CIE378A	5,5	10,5	19,0	CCT38	N46
26	2121626417	Nguyễn Nhật	Minh	29/04/1996	CIE378A	6,0	11,0	19,5	CCT42	N46
27	1920413601	Bùi Tam Hồng	Ngọc	5/5/1995	CIE378A	6,5	11,5	15,0	CCT42	N46
28	2021613646	Nguyễn Nhật	Nguyễn	35280	CIE378A	7,0	12,0	15,5	CCT42	N46
29	2121617281	Nguyễn Huy	Nhã	22/03/1997	CIE378A	7,5	12,5	16,0	CCT42	N46
30	1921619007	Lê Thành	Nhân	34335	CIE378A	8,0	13,0	16,5	CCT42	N46
31	2121619633	Trần Mai	Nhật	35645	CIE378A	5,0	10,0	17,0	CCT34	N42
32	2121624235	Nguyễn Huy	Phát	1/1/1997	CIE378A	5,5	11,5	17,5	CCT34	N42
33	2021415119	Lê Hồng	Phong	13/04/1995	CIE378A	6,0	12,0	18,0	CCT34	N42
34	1821413840	Nguyễn Hữu	Phúc	34436	CIE378A	6,5	12,5	18,5	CCT34	N42
35	2121627677	Nguyễn Lê Văn	Phụng	20/06/1997	CIE378A	7,0	13,0	19,0	CCT34	N42
36	2121618569	Nguyễn Nho Minh	Quang	20/08/1997	CIE378A	7,5	10,5	19,5	CCT38	N42
37	1921629574	Nguyễn Văn	Quốc	16/07/1994	CIE378A	8,0	11,0	15,0	CCT38	N42
38	171216324	Lê Thái	Quý	14/10/1993	CIE378A	5,0	11,5	15,5	CCT38	N42
39	2121118423	Đỗ	Rin	2/2/1997	CIE378A	5,5	12,0	16,0	CCT38	N42
40	2011618360	Trần Công	Sỹ	16/11/1996	CIE378A	6,0	12,5	16,5	CCT38	N42
41	1821416014	Phan Trung	Tân	8/4/1994	CIE378A	6,5	13,0	17,0	CCT42	N42

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
42	2121628542	Phan Văn	Thắng	31/03/1997	CIE378A	7,0	10,0	17,5	CCT42	N42
43	2121626864	Bùi Hồ Diệp	Toàn	28/01/1997	CIE378A	7,5	10,5	18,0	CCT42	N42
44	1821414102	Văn Hữu	Triều	8/10/1993	CIE378A	8,0	11,0	18,5	CCT42	N42
45	1921610895	Lê Bảo	Trung	34792	CIE378A	5,0	11,5	19,0	CCT42	N42
46	2021617677	Võ Thành	Trung	29/04/1996	CIE378A	5,5	12,0	19,5	CCT34	N42
47	2021627374	Phạm Công	Trung	20/06/1996	CIE378A	6,0	12,5	15,0	CCT34	N42
48	172237500	Huỳnh Bá	Trường	33757	CIE378A	6,5	13,0	15,5	CCT34	N42
49	2121218379	Bùi Văn Quang	Trường	35490	CIE378A	7,0	10,0	16,0	CCT34	N42
50	2121628590	Phạm Thanh	Tuân	35735	CIE378A	7,5	10,5	16,5	CCT34	N42
51	1921418693	Lê Văn Thanh	Tùng	19/05/1995	CIE378A	5,0	11,0	17,0	CCT38	N42
52	2121616546	Nguyễn Phước	Vũ	31/01/1995	CIE378A	5,5	13,0	17,5	CCT38	N42
53					CIE378A	6,0	10,0	18,0	CCT38	N42
54					CIE378A	6,5	10,5	18,5	CCT38	N42
55					CIE378A	7,0	11,0	19,0	CCT38	N42